

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2021/HS-ST
Ngày 28-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN D, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Kim Dũng

Bà Tạ Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trang Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Lê Đình T, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1992 tại H. Nơi cư trú: Tổ 6 phường Hòa Nghĩa, quận D, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Đình Pha (đã chết) và bà Trần Thị Chinh; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/5/2021, đến ngày 19/5/2021 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Bùi Văn Đ, sinh ngày 18 tháng 12 năm 1992 tại H. Nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường H, quận D S, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn Đng và bà Đỗ Thị Phòng; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/5/2021, đến ngày 19/5/2021 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Người làm chứng*: 1. Anh Phạm Văn Khanh, vắng mặt;
2. Anh Hà Đình Mạnh, vắng mặt.
- *Người chứng kiến*: Anh Ngô Văn Khải, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 15/5/2021, tại tổ 7 phường Hòa Nghĩa, quận D, tổ công tác Công an quận D đã dừng kiểm tra xe mô tô biển kiểm soát 15M1-006.47 do Bùi Văn Điều khiển. Qua kiểm tra đã thu giữ trong khẩu trang màu đen Đang đeo 01 gói nilon màu trắng kích thước (2x2)cm bên trong có chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng, Dkhai gói ma túy vừa mua của Lê Đình T ở tổ 6 phường Hòa Nghĩa. Cơ quan Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng đối với Đ. Ngay sau đó Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Đình T tại tổ 6 phường Hòa Nghĩa đã bắt quả tang T đang chia ma túy vào các túi nilon. Khi thấy lực lượng Công an T bỏ chạy lên gác rồi ném 01 túi nilon màu đen xuống bãi đất trống cạnh nhà nhưng T đã bị bắt. Vật chứng thu giữ: Tại giường ở tầng 1 thu 01 túi nilon màu trắng (2,5x2,5)cm bên trong có tinh thể màu trắng (niêm phong mẫu số 1); 28 vỏ túi nilon màu trắng có kích thước khác nhau; 01 ống tẩu thủy tinh. Thu tại bãi đất trống 01 túi nilon màu đen bên trong có 01 cân điện tử; 02 túi nilon màu trắng có kích thước (6x8)cm và (2x2,5)cm bên trong mỗi túi đều có tinh thể màu trắng (niêm phong mẫu số 2) và 114 vỏ túi nilon màu trắng có kích thước khác nhau. Cơ quan Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng gửi giám định.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Văn D tại tổ Q 1, phường H, quận Đ S, thành phố H không thu giữ đồ vật gì liên quan đến ma túy.

Kết luận giám định số 327/KLGD-MT ngày 19/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố H, kết luận: Tinh thể màu trắng thu giữ của Bùi Văn D gửi giám định là ma túy có khối lượng 0,2 gam là loại Methamphetamine (bút lục 55).

Kết luận giám định số 328/KLGD-MT ngày 19/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố H, kết luận: Tinh thể màu trắng thu giữ của Lê Đình T gửi giám định mẫu số 1 là ma túy có khối lượng 0,45 gam là loại Methamphetamine; Mẫu số 2 là ma túy có khối lượng 3,12 gam là loại Methamphetamine (bút lục 65).

Tại cơ quan điều tra Lê Đình T và Bùi Văn D khai nhận: Trưa ngày ngày 15/5/2021, T thuê tắcxi gần nhà đi ra đường tàu Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân mua của một người đàn ông không quen biết 2.200.000 đồng ma túy đá, người này đưa cho T 01 túi ma túy kích thước (6x8cm). Về nhà T lấy một ít ma túy từ túi vừa mua ra sử dụng, số còn lại chia vào các túi nhỏ mục đích để bán. Khi T đang ngồi

chia ma túy thì Đ đi xe máy đến hỏi mua 300.000 đồng, T lấy 01 túi ma túy nhỏ cho vào khẩu trang y tế màu đen rồi đưa cho Đ và nói “ma túy ở bên trong khẩu trang”, Đ đưa tiền cho T rồi cầm khẩu trang ra về đến tổ 7 phường Hòa Nghĩa thì bị bắt quả tang cùng vật chứng. Sau khi T bán ma túy cho Đ, anh Nguyễn Văn Dũng (là hàng xóm) đến hỏi vay tiền, T đã cho anh Dũng vay 500.000 đồng (trong đó 300.000 đồng là số tiền vừa bán ma túy cho Đ). T tiếp tục chia ma túy ra các túi thì bị lực lượng Công an bắt quả tang cùng vật chứng. Trước đó trong tháng 4/2021 T đã 02 lần bán ma túy cho Đ, mỗi lần 200.000 đồng. Chiếc cân điện tử, ống tẩu thủy tinh và các vỏ túi nilon có kích thước khác nhau T khai mua ngày 13/5/2021 ở đường tàu Trần Nguyên Hãn của một người phụ nữ không quen biết, mục đích để sử dụng ma túy và chia ma túy để bán.

Về vật chứng:

- 02 phong bì niêm phong số 327MT/PC09, số 328MT/PC09 là ma túy còn lại sau giám định; 01 phong bì niêm phong bên trong có 01 khẩu trang màu đen; 01 ống tẩu thủy tinh; 142 vỏ túi nilon kích thước khác nhau; 01 cân điện tử; số tiền 300.000 đồng (do anh Dũng giao nộp cho Cơ quan điều tra) chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận D quản lý.

- Xe mô tô BKS 15M1-006.47 Dùng để đi mua ma túy, D khai mượn của người bạn tên “Nhất” ở phường Hòa Nghĩa nhưng không biết địa chỉ cụ thể ở đâu. Cơ quan điều tra chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên tiếp tục tạm giữ để làm rõ xử lý sau.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Lê Đình T quá trình điều tra chưa xác định được căn cước lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Tại Bản cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H truy tố Lê Đình T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Bùi Văn D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng, các bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D giữ quyền công tố luận tội:

Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lê Đình T về tội Mua bán trái phép chất ma túy, Bùi Văn D về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đình T với mức án từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn D với mức án từ **15 tháng tù** đến **18 tháng tù** về tội “Tàng trữ trái phép

chất ma túy”. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo vì điều kiện kinh tế khó khăn.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận D, thành phố H, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, **các** bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của **các** bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của **những** người làm chứng, người chứng kiến phù hợp với biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy: Từ đầu tháng 4/2021 bị cáo Lê Đình T đã 03 lần bán trái phép chất ma túy cho Bùi Văn Đạt tại nhà riêng ở tổ 6 phường Hòa Nghĩa, quận D, thành phố H. Hai lần vào đầu tháng 4 năm 2021 mỗi lần bán là 200.000đ và lần thứ 3 vào ngày 15/5/2021 T đã bán cho D01 gói ma túy Methamphetamine với khối lượng 0,2 gam với giá 300.000 đồng. Hành vi của Lê Đình T đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” vi phạm Điều 251 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân quận D thành phố H truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy: Do nghiện chất ma túy nên Bùi Văn Đạt nhiều lần đến nhà của Lê Đình T mua ma túy về sử dụng. Vào ngày 15/5/2021 Đạt mua của Lê Đình T 0,2 gam Methamphetamine với giá 300.000 đồng. Khi mang ma túy về đến đến tổ 7 phường Hòa Nghĩa thì bị Công an quận D, thành phố H bắt quả tang cùng tang vật. Hành vi cất giữ trái phép chất ma túy của bị cáo Đạt thỏa mãn cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy vi phạm Điều 249 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung: Bị cáo Lê Đình T đã 03 lần bán trái phép chất ma túy nên phải chịu tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Văn Đạt nhiều lần mua trái phép chất ma túy về sử dụng nhưng

căn cứ vào khối lượng ma túy bị bắt quả tang, bị cáo Dchi phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Đình T có thời gian phục vụ trong quân đội nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tính chất vụ án, vai trò phạm tội và hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: Tính chất vụ án là nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Tệ nạn ma túy đang là hiểm họa lớn đối với toàn xã hội, gây tác hại xấu cho sức khỏe con người, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội và là tác nhân làm phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội khác. Vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và đặc điểm nhân thân của các bị cáo như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo là người trưởng thành có đầy đủ năng lực nhận thức, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T và khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa mới đủ tác dụng cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249, khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì “*người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Hiện Chi cục thi hành án dân sự quận D đang quản lý số ma túy còn lại sau giám định, 01 khẩu trang màu đen, 01 ống tẩu thủy tinh, 142 vỏ túi nilon kích thước khác nhau, 01 cân điện tử và 300.000 đồng thu của bị cáo T. Xét thấy số ma túy là vật cấm lưu hành, 01 ống tẩu thủy tinh, 142 vỏ túi nilon, 01 khẩu trang là vật liên quan đến tội phạm không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; 01 cân điện tử là công cụ dùng vào việc phạm tội, số tiền 300.000 đồng là do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Ngoài ra buộc bị cáo Lê Đình T phải nộp lại số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng thu lợi bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy cho bị cáo Bùi Văn D vào hai lần đầu tháng 4/2021.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Lê Đình T **07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng** tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15-5-2021.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Bùi Văn D **18 (mười tám) tháng** tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15-5-2021.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niêm phong bên trong là ma túy còn lại sau giám định, 01 phong bì niêm phong bên trong có 01 khẩu trang màu đen, 01 ống tẩu thủy tinh, 142 vỏ túi nilon kích thước khác nhau (theo Biên bản bàn giao vật chứng **ngày 21-9-2021** tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố H).

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 cân điện tử và số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng (theo Biên bản bàn giao vật chứng **ngày 21-9-2021** tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố H và Ủy nhiệm chi số 63/KB ngày 21/9/2021 tại Kho bạc Nhà nước D). Buộc bị cáo Lê Đình T phải nộp lại 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng tiền thu lợi bất chính.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm..

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND quận D;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP H;
- Cơ quan điều tra Công an Q.D;
- PV06; PC10;
- Chi cục THADS quận D;
- Sở Tư pháp;
- **Trại tạm giam** Công an TP H;
- Bị cáo;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- TAND TP H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

Nguyễn Song Hải

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.